

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày 02-6-2023

V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị L**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp 9, xã , thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn Trường**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp 9, xã Đ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày: Bà Đỗ Thị L và ông Huỳnh Văn Tr tự nguyện chung sống từ năm 2015, ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2016. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng qua điếm trong cuộc sống, ông Tr thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà L, nhưng do là chuyện riêng của vợ chồng nên bà L không báo chính quyền địa phương. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 02/2020 cho đến nay. Mang tiếng vợ

chồng nhưng bà L và ông Tr không còn chung sống, không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống hôn nhân không còn ý nghĩa, không có khả năng hàn gắn nên bà L xin được ly hôn với ông Tr.

Bà L và ông Tr chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Phước Th, sinh ngày 23/7/2016, cháu Th hiện đang sống với ông Tr. Ngoài ra, chúng ông bà không còn con chung, con riêng nào khác. Từ khi bà L ra sống riêng đến nay thì cháu Th sống chung với ông Tr, để cuộc sống cháu được ổn định bà L đồng ý giao cháu Th cho ông Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L và ông Tr chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị L, cho bà L ly hôn với ông Trường. Giao con chung tên Huỳnh Phước Th, sinh ngày 23/7/2016 cho ông Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị L và bị đơn ông Huỳnh Văn Tr. Bị đơn ông Tr đang cư trú tại Ấp 9, xã Đ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu

tập tham gia phiên tòa đối với ông Huỳnh Văn Tr, nhưng ông Tr đều vắng mặt không rõ lý do. Ông Tr đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông Tr theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Năm 2015, bà Đỗ Thị L và ông Huỳnh Văn Tr tự nguyện chung sống vợ chồng, ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2016, nên hôn nhân của bà L và ông Tr là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà L xác định vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dân đến cãi vã và ông Tr nhậu nhẹt, đánh đập bà L nên bà L đã bỏ nhà đi ra sống riêng từ tháng 02/2020 đến nay. Mặt khác, theo Biên bản làm việc ngày 20/4/2023, chính quyền địa phương và ông Huỳnh Văn L (cha ruột ông Tr) đều xác định vợ chồng bà L và ông Tr đã không còn chung sống, bà L đã bỏ nhà đi, hiện nay thì ông Tr và con đang sống tại địa phương. Như vậy, sự việc bà L và ông Tr chung sống xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của bà L cũng như tài liệu chứng cứ bà L cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Tr đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà L được ly hôn với ông Tr là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Đỗ Thị L xác định vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Phước Th, sinh ngày 23/7/2016, cháu Th đang sống cùng ông Tr. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào giấy khai sinh bà L cung cấp và Biên bản làm việc với chính quyền địa phương thì địa phương cũng xác định con chung đang sống với ông Tr tại địa phương, như vậy lời trình bày của bà L là có căn cứ, đúng sự thật. Xét thấy, tuy không ghi nhận được ý kiến của cháu Th, nhưng cháu Th là bé trai và hiện đang sống với ông Tr. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Th được ổn định thì cần giao cháu cho ông Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Tr không có ý kiến yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L. Về tài sản chung và nợ chung, bà L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông Tr về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị L đối với ông Huỳnh Văn Tr. Cho bà Đỗ Thị L được ly hôn ông Huỳnh Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Phước Th, sinh ngày 23/7/2016 cho ông Huỳnh Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà L.

Bà Đỗ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong Trhợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị L xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết và ông Huỳnh Văn Tr không có ý kiến, yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004659 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà L và ông Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt